

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM

○ ThS. NGUYỄN VĂN LƯỢNG*

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới diễn ra mạnh mẽ, nguồn nhân lực (NNL) đóng vai trò ngày càng quan trọng. Những bài học về phát triển kinh tế của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy rõ điều này. Sự phát triển thần kì của nhiều nước ở khu vực Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của nhiều nước công nghiệp mới, các nước ASEAN, Trung Quốc đều phần lớn nhờ vào NNL có chất lượng cao. Việt Nam đã và đang bước vào hội nhập kinh tế thế giới, từng bước tiến tới chiếm lĩnh khoa học công nghệ cao nên cũng đòi hỏi một lực lượng đông đảo nhân lực có trình độ cao, có khả năng làm việc trong môi trường công nghệ và cạnh tranh. Do vậy, phát triển NNL có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn cao và nhất là có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất, là yếu tố then chốt nhằm phát triển nền kinh tế Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững.

1. Thực trạng NNL Việt Nam trong những năm qua. Tính đến ngày ngày 1/4/2009, tổng dân số của Việt Nam là 85.789.573 người, dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ khoảng 67%. Trong đó: nông dân chiếm gần 73%, lực lượng công nhân có khoảng 5 triệu người chiếm 6%. Như vậy, nông dân vẫn là lực lượng lao động xã hội chiếm tỉ lệ cao nhất, ngược lại số lượng công nhân chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong độ tuổi lao động, không những vậy công nhân có tay nghề cao có trình độ văn hóa, tay nghề, kĩ thuật lại chiếm tỉ lệ thấp so với đội ngũ công nhân nói chung. Theo thống kê, số công nhân có trình độ ĐH, CĐ ở nước ta chiếm khoảng 3,3% đội ngũ công nhân nói chung.

Đội ngũ trí thức Việt Nam những năm gần đây tăng nhanh vượt bậc, chỉ tính riêng số sinh viên (SV) đã minh chứng cho điều này: năm 2009,

cả nước tuyển sinh hơn nửa triệu SV, gấp 4 lần năm 1997 và 14 lần năm 1987. Còn về quy mô, tổng số SV cả nước là 1,7 triệu trong khi năm 1997 là hơn 700.000 và năm 1987 là 130.000. Năm 1987, một giảng viên đào tạo (ĐT) bình quân 6,6 SV, năm 2009 một giảng viên ĐT tới 28 SV. Sau 22 năm, số SV tăng 13 lần, số trường tăng 3,7 lần, nhưng số giảng viên chỉ tăng 3 lần. Số nhân lực có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cũng tăng nhanh. Theo thống kê cả nước có hơn 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học đến 2008 và đang đặt mục tiêu trong 10 năm tới sẽ có 20.000 tiến sĩ. Năm 2009 trên cả nước có 376 trường ĐH, CĐ. Nhìn vào những con số này cho thấy, lực lượng trí thức và công chức thực sự là một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Vấn đề đặt ra là: hàng năm lượng SV ra trường lớn nhưng tỉ lệ SV không có việc làm chiếm tới 63%, trong đó có nhiều SV có việc làm không đúng với ngành nghề được ĐT.

Như vậy, NNL chất lượng cao của Việt Nam đang thiếu hụt trầm trọng. Các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài rất khó tìm kiếm được nhân lực có chất lượng tốt phục vụ cho sản xuất kinh doanh - khu vực tạo ra của cải cho quốc gia. Thực tế có tới 59% trên tổng số 966 doanh nghiệp Nhật được khảo sát trong cuộc điều tra về thị trường lao động ở ASEAN, Trung Quốc và Ấn Độ, do tổ chức *Xúc tiến thương mại Nhật Bản* tiến hành, cho biết rất khó kiếm được nhân sự quản lí cấp trung gian. Đây là tỉ lệ cao nhất trong khối ASEAN và là tình trạng hết sức nghiêm trọng. Thái Lan đứng sau Việt Nam, với tỉ lệ trả lời 43,2%. Các nước như Indonesia, Malaysia, Philippines đều khả quan hơn rất nhiều, với tỉ lệ từ 36% đến 38%.

Theo *Diễn đàn kinh tế thế giới*, năm 2005, chất lượng NNL của Việt Nam xếp thứ 53 trong

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh



số 59 quốc gia được khảo sát. Cơ cấu NNL tỉ lệ ĐH (cử nhân, bác sĩ, kĩ sư)/trung học chuyên nghiệp/công nhân kĩ thuật trung bình ở nước ta (1:1,16: 0,92); còn trung bình của thế giới (1:4:10), như vậy nước ta nghiêng tỉ lệ thầy nhiều hơn thợ quá lớn. Còn theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2008, chất lượng NNL của Việt Nam hiện nay mới chỉ đạt 3,79 điểm (thang điểm 10), xếp thứ 11 trong số 12 nước châu Á tham gia xếp hạng.

Một trong các nguyên nhân của tình trạng trên là chất lượng ĐT lao động thời gian qua còn yếu kém do lạc hậu trong nhận thức và quản lí giáo dục, chưa quan tâm đúng mức tới cung - cầu mà chỉ ĐT theo quán tính, nội dung và phương pháp trong việc ĐT NNL ở Việt Nam. Với nhiều lí do khác nhau, nền GD-ĐT của chúng ta chưa xác định được mục tiêu rõ ràng, chưa được coi là điểm đột phá để đưa đất nước phát triển như nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới có hoàn cảnh tương tự như nước ta đã từng làm. Phần lớn nội dung và chương trình giáo dục các cấp hiện nay ở nước ta còn hạn chế, bất cập và đang là một trở ngại lớn đòi hỏi cần có sự cải cách và đổi mới cho phù hợp. Phương pháp giáo dục cũng còn nhiều bất cập. Các phương pháp dạy và học của chúng ta hiện nay thường tạo ra sự thụ động đối với người học, như nặng về lí thuyết, nhẹ về kĩ năng thực hành. Do đó, chất lượng NNL sau ĐT thường bất cập. Người học thường ít vận dụng được những gì sau khi học, hoặc muốn làm việc được thì người học phải chấp nhận qua một quá trình «ĐT lại» không chỉ lãng phí về tiền của mà còn lãng phí về thời gian đối với người học v.v...

Việc thiếu hụt nhân lực chất lượng cao đem lại những hệ lụy xấu cho nền kinh tế Việt Nam: Một là, làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế. Lợi thế cạnh tranh bằng lao động dồi dào, giá cả rẻ của chúng ta sẽ mất đi, thể hiện việc Việt Nam liên tục tụt hạng trong bản xếp hạng chỉ số cạnh tranh toàn cầu, mà một trong những nguyên nhân căn bản là chất lượng lao động qua ĐT. Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2009 xếp hạng Việt Nam thứ 75/133 quốc gia tự 5 bậc so với năm 2008, trong đó chỉ số giáo dục bậc cao của Việt Nam xếp hạng thứ 92/133 tự 6 bậc so với năm 2008. Hai là, khó thoát khỏi

bẫy thu nhập trung bình do không có đủ NNL chất lượng cao để đưa đất nước bước vào giai đoạn nội lực hoá kĩ năng và công nghệ, nghĩa là không có NNL đủ trình độ sáng tạo và làm chủ về công nghệ và quản lí dẫn tới sẽ mãi dậm chân ở mắt xích cuối cùng của chuỗi cung ứng toàn cầu. Ba là, đánh mất cơ hội tham gia thị trường lao động quốc tế. Với trình độ lao động như hiện nay, chúng ta chỉ dừng lại ở việc đi làm thuê với giá rẻ mà không thể đem lại những lợi ích như: thu được nguồn ngoại tệ từ xuất khẩu lao động, đội ngũ lao động này sau thời gian làm việc sẽ tích lũy được kinh nghiệm và công nghệ, nếu có chính sách thu hút ngược trở lại đây là nguồn tài sản quý của quốc gia và cuối cùng là xây dựng được thương hiệu NNL Việt Nam trên thị trường quốc tế, tạo hình ảnh thu hút đầu tư.

2. Một số giải pháp ĐT NNL chất lượng cao. Nếu công tác ĐT NNL Việt Nam không giải quyết được bài toán nâng cao chất lượng NNL, chúng ta sẽ đứng trước một cuộc khủng hoảng chất lượng nhân lực trầm trọng. Để giải quyết vấn đề này cần thực hiện một số giải pháp sau:

1) *Cải cách hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hiện đại*, góp phần ĐT và xây dựng NNL của đất nước có chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo hướng CNH, HĐH và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Việc chuẩn bị đủ lực lượng lao động có chất lượng tốt hiện nay gắn liền với quyết tâm cao và bước đi đúng đắn của công cuộc cải cách hệ thống giáo dục, trong đó có hệ thống giáo dục ĐH.

Để tạo được sự chuyển biến về chất lượng trong giáo dục ĐH, trước mắt cần phải tập trung giải quyết một số vấn đề then chốt: Về hệ thống các cơ sở ĐT, tạo ra một hệ thống các trường ĐH có tính cạnh tranh và tính thực nghiệm cao. Về cơ chế quản lí, thay đổi theo hướng tăng thêm tính chủ động cho cấp dưới, cấp cơ sở. Cơ quan quản lí cấp trên phải kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách và thường xuyên giám sát thực hiện (điển hình là việc phát hành sách giáo khoa, giáo trình của nhiều môn học trong các nhà trường). Về nội dung, chương trình cần chuyển mạnh từ những ưu tiên nặng về lí thuyết sang tăng cường hệ thống tri thức vận dụng thực tế và đặc biệt hướng tới phát triển tư duy sáng

tạo của SV. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, cho phép các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia vào quá trình ĐT và phát triển NNL, nhất là NNL chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế phù hợp với luật pháp Việt Nam cũng là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2) *Tích cực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong xây dựng NNL khoa học và công nghệ (KH&CN) nước ta, nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan cần xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế về KH&CN của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.*

Để phát triển NNL KH&CN một cách nhanh nhất và bắt kịp trình độ các nước trong khu vực và trên thế giới, cần ưu tiên đầu tư cho hợp tác quốc tế trong GD-ĐT, đây là con đường nhanh nhất giúp nước ta có thể đi tắt đón đầu các thành tựu mới của thế giới. Với cơ sở hạ tầng và trình độ KH&CN ở nước ta hiện nay, để có thể xây dựng được hệ thống chương trình khung ĐT NNL KH&CN chất lượng cao sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, trong quá trình hợp tác quốc tế về ĐT NNL KH&CN rất cần thực hiện song song ĐT hai nhóm nhân lực sau: *Nhóm I*, các kỹ sư, công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề về KH&CN. Đây là nhóm đối tượng lao động chính, trực tiếp tham gia các chương trình, dự án của quốc gia. Nhóm này có số lượng lớn, thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau. *Nhóm II*, đội ngũ nhân lực KH&CN trình độ cao cấp, chuyên thực hiện nghiên cứu, sáng tạo và giảng dạy về KH&CN.

Tạo dựng môi trường kinh tế, xã hội thuận lợi cho phát triển hợp tác quốc tế về ĐT NNL KH&CN sau ĐH,... Đa dạng hoá các loại hình hợp tác ĐT quốc tế phù hợp với điều kiện cụ thể của các đơn vị khác nhau trong nền kinh tế quốc dân. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích quá trình hợp tác quốc tế về KH&CN trình độ cao trong thời gian tới

3) *Các trường ĐH cần phát triển các chương trình ĐT chất lượng cao theo hướng tăng cường kiến thức thực tế, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng ngoại ngữ. Tăng cường liên kết giữa các cơ sở ĐT với các doanh nghiệp trong ĐT NNL chất lượng cao với các hình thức đa dạng như mời doanh nghiệp tham gia ĐT, tổ chức cho SV thực tập nhiều lần tại doanh nghiệp,... phát triển*

và ĐT các ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu chuyển đổi ngành nghề, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và phương pháp quản lý mới.

4) *Phát hiện và bồi dưỡng, sử dụng hợp lý NNL tài năng.* Nhà nước cần có những cơ chế, chính sách sử dụng NNL chất lượng cao để thu hút được nhân tài, tránh tình trạng chảy máu chất xám như hiện nay. Đây có lẽ là vấn đề mấu chốt làm tăng cung NNL chất lượng cao không chỉ từ các cơ sở ĐT trong nước mà còn góp phần thu hút lao động có trình độ cao được ĐT ở nước ngoài như các SV đi du học và Việt kiều.

3. Tóm lại, đầu tư phát triển NNL, đặc biệt là NNL chất lượng cao, không thể là công việc hoàn thành trong thời gian ngắn. Do vậy, Việt Nam cần phải thực hiện hết sức nhanh chóng, thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ và hiệu quả để phát triển NNL chất lượng cao cho hội nhập kinh tế thế giới. Đã đến lúc Việt Nam đặt vấn đề lấy sự phát triển NNL làm động lực cho tăng trưởng kinh tế thông qua sự kết hợp chặt chẽ các chiến lược phát triển kinh tế và chiến lược phát triển NNL. Chỉ có như vậy, chúng ta mới giải quyết tận gốc tình trạng thiếu hụt nhân lực, đồng thời biến gánh nặng dân số hiện nay thành lợi thế cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong thế kỉ XXI. □

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung nguồn nhân lực. *Nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay*. <http://ttsn.c.edu.vn/Pages/ArticleDetail.aspx?siteid=1&sitepageid=48&articleid=136,22/6/2010>.
2. Trịnh Thị Hiền. *Vấn đề nguồn nhân lực chất lượng cao trong phát triển kinh tế xã hội*, Website Viện nghiên cứu phát triển TP Hồ Chí Minh. <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/xemtin.asp?idcha=1679&cap=3&id=5857>.
3. Phạm Tất Dong. “Xã hội học tập và nguồn nhân lực ở Việt Nam”. Tạp chí *Cộng sản* số 18 (162)/2008.
4. 30 năm chất lượng giáo dục đại học bị ‘bỏ ngỏ’. <http://vnexpress.net/UGL/Xa-hoi/Giao-duc/2009/10/3BA151A0/30/2009>.
5. Nguyễn Hữu Lam. *Mô hình năng lực trong giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực*. <http://www.saga.vn/view.aspx?id=6634> ngày 25/9/2007
6. Trần Hồng Lưu. *Vai trò của tri thức khoa học trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay*. NXB *Chính trị quốc gia*, H. 2009.